

Số: 04/2025/QĐST-DS

Sông Công, ngày 04 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 147, 157, 212 và Điều 213 của BLTTDS năm 2015;
Căn cứ vào các Điều 500, 502 và Điều 503 của BLDS năm 2015, các
Điều 166, 167, 188 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016
của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,
quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 24 tháng 02 năm 2025 về việc
các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân
sự thụ lý số: 47/2024/TLST- DS ngày 31 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành
về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các
đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không
có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T - Sinh năm: 1979.

Nơi cư trú: Tổ F, phường C, TP ., tỉnh Thái Nguyên;

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Hà Lâm T1 - Sinh năm:
2000;

Nơi cư trú: Tổ B, phường P, TP ., tỉnh Thái Nguyên, là người đại diện
theo ủy quyền của nguyên đơn (Hợp đồng ủy quyền ngày 23/10/2024).

2.2. Bị đơn: Ông Dương Văn C - Sinh năm: 1960;

Nơi cư trú: TDP P, phường L, TP ., tỉnh Thái Nguyên.

2.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị T2 - Sinh năm
1963 (Là vợ ông C).

Nơi cư trú: TDP P, phường L, TP ., tỉnh Thái Nguyên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn Văn T và vợ chồng ông Dương Văn C, bà Trần Thị T2 thoả thuận, thống nhất không tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được lập ngày 10/10/2023 giữa bên chuyển nhượng là ông Dương Văn C, bà Trần Thị T2 và bên nhận chuyển nhượng là ông Nguyễn Văn T tại các thửa đất số 169, 171, 172, tờ bản đồ số 18, bản đồ địa chính phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi ông Dương Văn C, bà Trần Thị T2 cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật ông Dương Văn C, bà Trần Thị T2 có trách nhiệm liên hệ với ông Nguyễn Văn T để tiến hành thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 169, 171, 172, tờ bản đồ số 18, bản đồ địa chính phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. Việc chuyển nhượng do các bên tự thoả thuận và thực hiện theo quy định.

2.2. Ông Dương Văn C, Bà Trần Thị T2 có trách nhiệm liên hệ với Cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền (UBND thành phố S, tỉnh Thái Nguyên, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S, tỉnh Thái Nguyên) để thực hiện thủ tục thu hồi, cấp đổi, cấp bổ sung 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sêri AO 212575 do UBND thành phố T cấp ngày 27/05/2009 và số sêri AO 234084 do UBND thành phố T cấp ngày 26/08/2009 tại các thửa đất 169, 171, 172, tờ bản đồ số 18, bản đồ địa chính phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên theo quy định của pháp luật.

- Ông Dương Văn C và bà Trần Thị T2 có trách nhiệm giao, nộp bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sêri AO 212575 do UBND thành phố T cấp ngày 27/05/2009 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sêri AO 234084 do UBND thành phố T cấp ngày 26/08/2009 và các giấy tờ có liên quan cho Cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền (UBND thành phố S, tỉnh Thái Nguyên, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S, tỉnh Thái Nguyên) để thực hiện thủ tục thu hồi và cấp đổi, cấp bổ sung theo quy định của pháp luật.

2.3. Kiến nghị Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Dương Văn C, bà Trần Thị T2 (đã cấp đổi năm 2009, số sêri AO 212575 do UBND thành phố T cấp ngày 27/05/2009 và số sêri AO 234084 do UBND thành phố T cấp ngày 26/08/2009) để cấp lại diện tích và số thửa theo bản đồ địa chính đối với các thửa đất số 169, 171, 172, tờ bản đồ số 18, bản đồ địa chính phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên theo quy định của pháp luật.

(Có vị trí, sơ đồ các thửa đất kèm cụ thể kèm theo Quyết định này)

2.4. Về chi phí tố tụng khác: Ông T tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (Ông T đã thi hành xong).

2.5. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T tự nguyện nhận nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm không có giá ngạch nộp vào ngân sách Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm

đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000807 ngày 31 tháng 10 năm 2024. Ông T được hoàn trả lại số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. Sông Công;
- Chi cục THADS TP. Sông Công;
- Chi nhánh VPĐKĐĐ. TP. Sông Công;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Toàn